

Số: 87/2026/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 23 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 25/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026 giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Lê Văn T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn M, xã V, tỉnh Hưng Yên.

- *Bị đơn*: Chị Bùi Thị Y, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn M, xã V, tỉnh Hưng Yên.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Cháu Lê Minh Q, sinh ngày 03/9/2011.

2. Cháu Lê Bùi Khánh L, sinh ngày 15/6/2013.

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã V, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Q và cháu L: Anh Lê Văn T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn M, xã V, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 73; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Văn T và chị Bùi Thị Y.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lê Văn T và chị Bùi Thị Y thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung:* Anh Lê Văn T và chị Bùi Thị Y có 02 con chung là cháu Lê Minh Q, sinh ngày 03/9/2011 và cháu Lê Bùi Khánh L, sinh ngày 15/6/2013. Anh T, chị Y thỏa thuận giao cháu Q và cháu L cho anh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q và cháu L đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T, chị Y tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Y được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung: Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

2.3. *Về tài sản, vay nợ, ruộng nông nghiệp, công sức:* Anh Lê Văn T và chị Bùi Thị Y đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về án phí:* Anh Lê Văn T tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000531 ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, hoàn trả lại cho anh Lê Văn T số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND Khu vực 2 – Hưng Yên;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Hưng Yên;
- UBND xã Việt Yên;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Tân Huyền